

CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHMER Ở VÙNG TÂY NAM BỘ TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

NGUYỄN THỊ NGỌC ANH (*)

Tóm tắt: Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm thực hiện nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện thuận lợi để đồng bào các dân tộc thiểu số trong cả nước, trong đó có đồng bào dân tộc Khmer phát triển kinh tế - xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Bài viết khái quát những kết quả nổi bật và những nội dung tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc Khmer thực sự hiệu quả.

Từ khóa: Chính sách; đồng bào dân tộc Khmer; Tây Nam Bộ.

Abstract: Our Party and State always pay attention to implementing many guidelines and policies to create favorable conditions for people of minority groups over the country, including Khmer people, to realize socio-economic development and continually improve their spiritual and material living conditions. This paper summarizes significant results and contents for continuing the effective implementation of the policies for Khmer people.

Keywords: Policy; Khmer ethnic group; Southwest.

Ngày nhận bài: 30/5/2023

Ngày biên tập: 31/7/2023

Ngày duyệt đăng: 18/9/2023

1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ

Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam ngày 01/4/2019, dân số đồng bào Khmer là 1.319.652 người, chiếm 1,37% dân số cả nước; trong đó dân số sống ở thành thị là 310.776 người (chiếm 23,5%), ở nông thôn là gần 1,1 triệu người. Người Khmer nhập cư sớm và có số dân đông thứ hai, sau người Kinh ở vùng Nam Bộ. Hiện nay, đồng bào dân tộc Khmer phân bố và sinh sống ở trên tất cả các tỉnh, thành phố khu vực Tây Nam Bộ, trong đó hai tỉnh có đông đồng bào Khmer sinh sống là tỉnh Sóc Trăng với 362.029 người, chiếm 30,1% dân số và tỉnh Trà Vinh với 318.231 người, chiếm 31,5% dân số^(*). Những nơi có nhiều đồng bào Khmer là những vùng ngập mặn, ven biển, vùng sâu, biên giới và vùng

núi, xa các trục giao thông lớn, điều kiện sản xuất và sinh hoạt khó khăn.

Từ những điều kiện, đặc điểm và những tiềm năng, lợi thế của vùng Tây Nam Bộ và nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào dân tộc Khmer. Bên cạnh những chính sách chung, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách đặc thù đối với đồng bào Khmer vùng Tây Nam Bộ, như Chỉ thị số 68-CT/TW ngày 17/4/1991 của Ban Bí thư về công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer đã đề ra 06 nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc Khmer; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng Vùng đồng bằng sông Cửu Long

(*) ThS; Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

thời kỳ 2001-2010 đã xác định những định hướng, mục tiêu, giải pháp đẩy nhanh quá trình phát triển bền vững của Vùng đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có vùng đồng bào dân tộc Khmer; Kết luận số 28-KL/TW ngày 14/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh, quốc phòng Vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 đã nhấn mạnh việc phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer; Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó bao gồm các định hướng quan trọng nhằm phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer ở Vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Có thể khẳng định, các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc Khmer có ý nghĩa rất quan trọng đến tất cả các lĩnh vực phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt... đến nhóm chính sách phát triển giáo dục, đào tạo, y tế, dân số, bảo vệ môi trường, cũng như nhóm chính sách về tăng cường hệ thống chính trị ở vùng Tây Nam Bộ.

2. Những thay đổi tích cực, toàn diện ở vùng đồng bào dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ thời gian qua

Thứ nhất, kinh tế - xã hội phát triển toàn diện: việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã thúc đẩy kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khmer phát triển mạnh mẽ; đời sống vật chất của đồng bào được cải thiện đáng kể, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Nếu như năm 2005, toàn vùng Tây Nam Bộ có gần 30% số hộ dân tộc Khmer nghèo, thì đến cuối năm 2022 đã giảm xuống còn trên 6% theo tiêu chí mới. Sau 03 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới, tỉnh Kiên Giang đã đầu tư hơn 210 tỷ đồng xây dựng các công trình

hạ tầng giao thông, thủy lợi, trạm y tế, trường học, cung cấp nước sinh hoạt ở vùng đồng bào Khmer; hỗ trợ gần 11.300 lượt hộ vay vốn phát triển sản xuất, xây dựng nhà ở, chuyển đổi nghề, học nghề và nhiều hoạt động thiết thực khác... Đến nay, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer ở tỉnh Kiên Giang đã có sự chuyển biến rõ nét, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều chỉ còn 4,73%⁽²⁾.

Thứ hai, kết cấu hạ tầng và các công trình thiết yếu được đầu tư xây dựng: hiện nay vùng Tây Nam Bộ đã có trên 100 xã, trung tâm cụm xã hoàn thành mục tiêu Chương trình 135, xây dựng trên 6.100 công trình thiết yếu và hàng trăm dự án phát triển sản xuất kinh tế cho đồng bào Khmer; trên 99% số xã vùng đồng bào Khmer sinh sống có đường ô tô đến trung tâm; bình quân 60% số đường ấp, liên ấp được đổ nhựa hoặc bê tông góp phần làm thay đổi diện mạo địa bàn sinh sống; phần lớn các thôn/ấp đồng đồng bào dân tộc Khmer đã có điện lưới quốc gia; phòng học và trạm y tế không ngừng được đầu tư xây dựng và kiên cố hóa.

Ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới được coi trọng và đạt kết quả tích cực. Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, các địa phương vùng Tây Nam Bộ đã hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở của 126 xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu và thôn, bản với tổng kinh phí trên 743 tỷ đồng; hỗ trợ các hộ đồng bào Khmer vay khoảng 778 tỷ đồng từ nguồn vốn, tín dụng, giúp hơn 521.000 lượt hộ phát triển sản xuất, cải thiện đời sống, sinh kế và đã có trên 262.000 hộ thoát nghèo. Công tác khuyến nông, khuyến ngư, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao được quan tâm.

Thứ ba, bản sắc văn hóa dân tộc của đồng bào được giữ gìn và phát huy: chương trình giảng dạy chữ Khmer đang được triển khai dạy và học tại các điểm trường tiểu học vùng đồng bào Khmer, trường phổ thông dân tộc nội trú và ở các điểm chùa Khmer. Cụ thể, năm học 2018-2019, toàn tỉnh Kiên Giang có 33 điểm trường dạy chữ Khmer, huy động

5.724 học sinh theo học; mở được 03 lớp dạy chương trình chữ Khmer cho 220 cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer. Các đoàn nghệ thuật Khmer được các ngành, các cấp quan tâm và tạo điều kiện hoạt động; nhiều loại hình nghệ thuật như Châm Riêng Chà Pây, nghệ thuật sân khấu Dù Kê của người Khmer tỉnh Sóc Trăng và Lễ hội Ok Om Bok của người Khmer tỉnh Trà Vinh đã được công nhận là văn hóa phi vật thể cấp quốc gia. Hệ thống chùa Phật giáo Nam tông Khmer được trùng tu khang trang, có nhiều chùa được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa. Các lễ hội truyền thống của người Khmer được các cấp chính quyền địa phương quan tâm tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức, đảm bảo đúng quy chế tổ chức lễ hội, trên tinh thần an toàn, tiết kiệm, phù hợp với thuần phong mỹ tục và điều kiện của từng địa phương; việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật Khmer vùng Nam Bộ được coi trọng.

Thứ tư, giáo dục, y tế, an sinh xã hội được quan tâm đúng mức: nếu năm học 1991-1992, tổng số học sinh Khmer là 116.150⁽³⁾ người, thì đến năm học 2014-2015 tỷ lệ huy động trẻ em dân tộc thiểu số trong độ tuổi đến trường ở các cấp học trung học cơ sở là trên 95%, trung học phổ thông khoảng 70%; số học sinh diện cử tuyển ngày càng tăng, bình quân mỗi năm có gần 500 em được đào tạo. Năm học 2014-2015, có 8.700 học sinh Khmer đang học tại 30 trường phổ thông dân tộc nội trú, trong đó có 06 trường đạt chuẩn quốc gia⁽⁴⁾. Đến năm 2018, vùng Tây Nam Bộ có hơn 34 trường phổ thông dân tộc nội trú, trong đó có 09 trường cấp tỉnh và 25 trường cấp huyện. Các địa phương có đồng đồng bào dân tộc thiểu số đều có trung tâm giáo dục thường xuyên, trường trung cấp, cao đẳng nghề, trường dạy nghề và đào tạo nghiệp vụ ở nhiều lĩnh vực, tạo điều kiện cho con em đồng bào có cơ hội tiếp cận dịch vụ giáo dục và đào tạo nghề.

Riêng tại các tỉnh An Giang, Kiên Giang và Trà Vinh được Nhà nước đầu tư xây dựng trường trung cấp nghề dân tộc nội trú để đào tạo nghề cho con em dân tộc thiểu số (chủ yếu là dân tộc Khmer). Tỉnh Vĩnh Long có 22.630 người dân tộc Khmer sinh sống, chiếm 2,21% dân số; hiện có 3.700 học sinh Khmer đang

theo học tại các trường phổ thông trên địa bàn. Chính sách y tế vùng đồng bào Khmer được các địa phương quan tâm thực hiện tốt; các xã, phường có đồng đồng bào Khmer đều có cơ sở y tế, 100% cơ sở y tế vùng đồng bào Khmer đều có y sĩ, bác sĩ khám, chữa bệnh; 100% hộ nghèo Khmer được cấp thẻ bảo hiểm y tế. Từ năm 2001 đến nay, các địa phương đã hỗ trợ các gia đình Khmer nghèo vùng khó khăn từ 300.000 đến 01 triệu đồng/hộ/năm. Đến cuối tháng 9/2019, tỉnh Trà Vinh đã cấp phát 479.168 thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng, với tổng kinh phí 379 tỷ đồng; tỉnh Sóc Trăng hoàn thành xây dựng 400 căn nhà ở cho hộ nghèo là đồng bào dân tộc Khmer, hoàn thành giải quyết 100% hộ gia đình chính sách nghèo có nhà ở mới, hỗ trợ 135 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo khác...

Thứ năm, hệ thống chính trị cơ sở vùng đồng bào dân tộc Khmer ngày càng được củng cố, kiện toàn, tăng dần hàng năm về số lượng và chất lượng. Cụ thể, năm 2006, các tỉnh vùng Tây Nam Bộ có 7.100 đảng viên là người dân tộc Khmer, chiếm 0,6% dân số Khmer trong vùng; đến năm 2015 tăng lên 19.235 đảng viên và 17.000 cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số. Năm 2020, tổng số cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số công tác trong hệ thống chính trị các cấp ở vùng Tây Nam Bộ là 18.038 người, một số địa phương có tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số làm việc trong hệ thống chính trị tương đối cao gồm tỉnh Trà Vinh với 4.792 người (chiếm 19,98%); tỉnh Kiên Giang với 3.638 người, chiếm 10,53%; tỉnh Sóc Trăng với 5.961 người, chiếm tỷ lệ 23%⁽⁵⁾.

Thứ sáu, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững: các địa phương vùng Tây Nam Bộ đã thường xuyên phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ở từng khóm, ấp và được đồng bào tích cực hưởng ứng tham gia. Đồng thời, phát huy tốt vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc theo tinh thần Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ

Tổ quốc; Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số... qua đó góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các phong trào cách mạng, phát huy truyền thống đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng phát triển, đề cao tinh thần cảnh giác, giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở.

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, vẫn còn một số vấn đề khó khăn cần sớm khắc phục như hạn chế về trình độ văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, phương thức sản xuất thiếu tập trung, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer còn cao (13,1% năm 2019), tỷ lệ nghèo đa chiều trong đồng bào dân tộc Khmer còn rất cao (khoảng 38,2% năm 2017); tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên không biết chữ trong đồng bào Khmer vẫn còn cao (năm 2022 là 24,4%). Đặc biệt, tỷ lệ đồng bào Khmer học cao đẳng, đại học rất thấp, với tỷ lệ khoảng 1%; tính đến năm 2022, tỷ lệ nguồn nhân lực đồng bào Khmer chưa qua đào tạo khoảng 97,7%⁽⁶⁾. Tỷ lệ thất nghiệp trong đồng bào Khmer vẫn còn cao (5% năm 2009 và hơn 4% năm 2022). Bên cạnh đó, trong lĩnh vực văn hóa, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự vẫn còn tình trạng lạm dụng các lễ hội để gây ảnh hưởng xấu đến đời sống người dân; cơ sở sản xuất, kinh doanh công nghiệp, thủ công nghiệp ở vùng đồng bào Khmer đang gây ô nhiễm môi trường nước và sức khỏe người dân (do công trình và thiết bị xử lý chất thải không đạt tiêu chuẩn và thiếu)⁽⁷⁾. Một bộ phận đồng bào Khmer có hoàn cảnh khó khăn bị các phần tử xấu mua chuộc và xúi giục.

Vì vậy, để tiếp tục thúc đẩy sự phát triển toàn diện, bền vững vùng đồng bào dân tộc Khmer, cấp ủy, chính quyền các địa phương vùng Tây Nam Bộ cần tiếp tục quan tâm và triển khai thực hiện tốt một số vấn đề như: quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc nói chung và công tác dân tộc đối với đồng bào Khmer

nói riêng; tiếp tục đổi mới chính sách đối với đồng bào dân tộc Khmer theo hướng chuyển mạnh từ việc cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản theo phương thức trực tiếp sang nhấn mạnh việc phát huy ý chí tự lực, tự cường của đồng bào Khmer; xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm phát huy giá trị di sản văn hóa trong đồng bào Khmer; quan tâm đúng mức hơn các chính sách về phát triển giáo dục, đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho đồng bào Khmer; tăng cường xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc Khmer trong hệ thống chính trị ở vùng có đông đồng bào Khmer; tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác dân tộc vùng đồng bào Khmer, nâng cao năng lực của chính quyền trong triển khai thực hiện các chính sách dân tộc nói chung, chính sách đối với đồng bào dân tộc Khmer nói riêng./

Ghi chú:

(1) Tổng cục Thống kê, *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*.

(2) Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, *Sơ kết 03 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư về tăng cường công tác ở vùng đồng bào dân tộc Khmer trong tình hình mới*. Xem <http://www.cema.gov.vn>.

(3) Ban Dân vận Trung ương, *Báo cáo Tổng kết việc tổ chức thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, khóa VI về công tác dân tộc ở vùng đồng bào dân tộc Khmer* (Hà Nội, ngày 11/10/2006).

(4) Ủy ban Dân tộc, *Báo cáo số 159/BC-UBDT ngày 01/12/2015 về tình hình vùng dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn Tây Nam Bộ*.

(5) Ủy ban Dân tộc, *Báo cáo số 732/BC-UBDT ngày 10/6/2021 Tổng kết Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020*.

(6) Hà Thị Khiết, *Bảo đảm chính sách bình đẳng giữa các dân tộc trên cơ sở phát triển nguồn nhân lực ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, Tạp chí Mặt trận, số tháng 8/2022.

(7) Nguyễn Thị Huệ, *Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer tại Việt Nam hiện nay*, Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp quốc gia, H.2020.